

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO

(Ban hành tại Quyết định số 1864/QĐ-ĐHM, ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại Học Mở Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên chương trình : Tài chính

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Tài chính – Ngân hàng Mã số: 52340201

Loại hình đào tạo : Chính quy tập trung

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo (CTĐT) được thiết kế nhằm đào tạo Cử nhân Tài chính-Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính. *Học xong chương trình này, sinh viên có kiến thức chuyên môn vững vàng, có phẩm chất chính trị tốt, có khả năng ngoại ngữ thành thạo và có kỹ năng phù hợp làm việc ở các vị trí nhân viên trong các công ty cổ phần, các công ty chứng khoán, các tổ chức tài chính và các doanh nghiệp phi tài chính.*

1.2. Mục tiêu cụ thể:

CTĐT được thiết kế nhằm các mục tiêu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, thái độ, trình độ ngoại ngữ và tin học như sau:

1.2.1. Kiến thức: CTĐT cung cấp cho sinh viên kiến thức rộng về hoạt động của nền kinh tế nói chung và sâu về hoạt động của thị trường tài chính và tài chính của một công ty nói riêng. Sinh viên học xong chương trình này có kiến thức và am hiểu vĩ mô về hoạt động của nền kinh tế, đồng thời cũng có kiến thức và am hiểu vi mô về hoạt động của thị trường tài chính và tài chính của doanh nghiệp, đặc biệt là tài chính công ty cổ phần. Trên nền tảng kiến thức đó, sinh viên có thể vận dụng vào việc xử lý và hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn được giao và học tập lên các bậc học cao hơn sau này. Cụ thể, sinh viên được trang bị những kiến thức nền tảng sau đây:

- Các kiến thức chung về hoạt động của các tổ chức tài chính và thị trường tài chính, bao gồm thị trường vốn, thị trường tiền tệ, thị trường ngoại hối và thị trường tài chính phái sinh.

- Các kiến thức liên quan đến các khái niệm và ứng dụng các công cụ phân tích, các mô hình tài chính trong việc phân tích và ra quyết định liên quan đến tài chính công ty, bao gồm quyết định đầu tư, quyết định huy động vốn và quyết định chính sách cổ tức của công ty

- Các kiến thức liên quan đến phân tích và quyết định đầu tư tài chính, tư vấn và quản lý danh mục đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, huy động vốn và cung cấp tín dụng của các tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

1.2.2. Kỹ năng: CTĐT hướng đến việc trang bị cho sinh viên các kỹ năng tác nghiệp để hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn được giao. Cụ thể sinh viên được trang bị những kỹ năng sau:

- Kỹ năng tự học, tư duy sáng tạo, phân tích, tổng hợp và vận dụng sáng tạo kiến thức được học để giải quyết vấn đề gặp phải.

- Kỹ năng làm việc hợp tác theo nhóm và kỹ năng làm việc độc lập để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Kỹ năng thu thập, phân tích dữ liệu để rút ra thông tin cần thiết phục vụ cho việc ra quyết định.

- Kỹ năng lắng nghe, trình bày, thảo luận và thuyết phục người khác.

- Kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch, kiểm soát, quản lý thời gian để hoàn thành đúng hạn nhiệm vụ được giao.

1.2.3. Thái độ: CTĐT hướng đến việc giáo dục cho sinh viên có thái độ làm việc đúng mực, có phẩm chất tốt, coi trọng đạo đức nghề nghiệp, quan tâm đến lợi ích cộng đồng, trong đó có lợi ích chính đáng của cá nhân.

+ Về trình độ ngoại ngữ: CTĐT chú trọng nâng cao khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh của sinh viên nhằm hội nhập đào tạo và hội nhập thị trường lao động với quốc tế và khu vực. Học xong chương trình này sinh viên có thể sử dụng thành thạo tiếng Anh để học lên cao học hoặc sử dụng tiếng Anh thành thạo trong công việc hàng ngày của một nhân viên làm việc trong công ty hoặc các tổ chức tài chính.

+ Về trình độ tin học: CTĐT trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng sử dụng thành thạo máy vi tính trong công việc chuyên môn nghiệp vụ của một nhân viên. Học xong chương trình này sinh viên có đủ trình độ tin học để xử lý các công việc trong văn phòng, sử dụng được các phần mềm thông dụng như Microsoft Office, Eview, SPSS và đủ trình độ tin học để tham gia các khóa huấn luyện các phần mềm chuyên dụng của công ty hoặc của các tổ chức tài chính.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức:

2.1.1. Kiến thức chuyên môn:

CTĐT trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn về các hoạt động của thị trường tài chính và tài chính công ty. Cụ thể, sinh viên được trang bị những kiến thức chuyên môn để xử lý và thực hiện những nghiệp vụ sau đây:

- Kiến thức chuyên môn sâu về phân tích và đánh giá tình hình tài chính công ty. Qua đó, có thể dự báo và hoạch định tài chính của công ty.

- Am hiểu và có thể sử dụng thành thạo các khái niệm, công cụ và mô hình tài chính để phân tích và ra các quyết định đầu tư, bao gồm đầu tư tài sản tài chính, đầu tư tài sản dài hạn và đầu tư tài sản ngắn hạn của công ty.

- Am hiểu và có thể sử dụng thành thạo các công cụ và mô hình tài chính để phân tích và ra quyết định liên quan đến nguồn tài trợ và chính sách cổ tức của công ty.

- Am hiểu về hoạt động của các loại thị trường tài chính, bao gồm thị trường vốn, thị trường tiền tệ, thị trường ngoại hối và thị trường tài chính phái sinh. Qua đó, có thể thực hiện các nghiệp vụ đầu tư và huy động vốn từ các loại thị trường tài chính.

- Am hiểu về hoạt động của các tổ chức tài chính phi ngân hàng, bao gồm công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính. Qua đó có thể thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động của các tổ chức này.

2.1.2. Năng lực nghề nghiệp:

Hoàn thành CTĐT, sinh viên có đủ năng lực nghề nghiệp để làm việc trong các công ty cổ phần, các tổ chức tài chính phi ngân hàng và kể cả làm việc trong các loại hình doanh nghiệp phi tài chính khác. Cụ thể, sau khi tốt nghiệp sinh viên được trang bị những năng lực nghề nghiệp sau:

- Năng lực thực hiện các công việc liên quan đến tài chính của doanh nghiệp bao gồm phân tích và đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp, thẩm định và đánh giá dự án

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Tài chính ngân hàng CLC

đầu tư, định giá tài sản, định giá doanh nghiệp, phân tích và ra các quyết định về đầu tư và huy động vốn của doanh nghiệp, phân tích và ra quyết định mua bán và sáp nhập doanh nghiệp.

- Năng lực thực hiện những công việc liên quan đến hạch toán kế toán tài chính của doanh nghiệp.

- Năng lực thực hiện các công việc liên quan đến tư vấn đầu tư, phân tích và quyết định đầu tư tài chính, quản lý danh mục đầu tư ở các quỹ đầu tư.

- Năng lực thực hiện các công việc liên quan đến các hoạt động huy động vốn và cung cấp tín dụng ở các công ty chứng khoán, công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng cứng:

Ngoài kiến thức như mô tả ở mục trước, sau khi hoàn tất CTĐT sinh viên còn được trang bị đầy đủ các kỹ năng chuyên môn, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng xử lý tình huống và kỹ năng giải quyết vấn đề gặp phải trong công việc hàng ngày.

- Về chuyên môn: Sinh viên có kỹ năng xử lý các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động tài chính của một công ty hoặc các hoạt động của thị trường và các tổ chức tài chính bao gồm các hoạt động huy động vốn, đầu tư, quản lý tài sản, phân tích và tư vấn đầu tư, phân tích và hoạch định tài chính, phân tích và thẩm định dự án đầu tư.

- Về thực hành nghề nghiệp: Sinh viên có thể hoàn thành công việc được giao ở các vị trí nghề nghiệp bao gồm nhân viên phân tích, nhân viên kế toán, nhân viên huy động vốn, nhân viên phân tích và đầu tư tài chính, nhân viên thẩm định, nhân viên tư vấn, môi giới, phân tích và đầu tư chứng khoán.

- Về xử lý tình huống và giải quyết vấn đề: Sinh viên có kỹ năng phân tích, đánh giá, xử lý và giải quyết vấn đề chuyên môn hoặc vấn đề nghiệp vụ phát sinh trong công việc hàng ngày mà một nhân viên thường gặp phải.

2.2.2. Kỹ năng mềm:

- Hoàn tất CTĐT, sinh viên được trang bị các kỹ năng mềm hỗ trợ cho các hoạt động chuyên môn được đào tạo, bao gồm: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập và các khả năng tự nghiên cứu và học tiếp các bậc học cao hơn.

- Năng lực sử dụng ngoại ngữ: Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính – Ngân hàng có chuẩn đầu ra ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc tương đương.

- Năng lực sử dụng công nghệ thông tin: Người tốt nghiệp có trình độ tin học tương đương trình độ A và năng lực sử dụng thành thạo các phần mềm nghiệp vụ trong phạm vi yêu cầu công việc của một nhân viên ngân hàng.

2.3. Thái độ

Bên cạnh việc đào tạo và cung cấp kiến thức cũng như rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, CTĐT còn chú ý đến rèn luyện thái độ và đạo đức nghề nghiệp. Học xong chương trình này, sinh viên có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức nghề nghiệp và trách nhiệm công dân đối với cộng đồng, có trách nhiệm, tác phong nghề nghiệp, và thái độ phục vụ đúng mực đối với khách hàng. Ngoài ra còn có thái độ yêu mến công việc, có khả năng cập nhật kiến thức, khả năng tự học và học tập suốt đời.

2.4. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Với kiến thức, năng lực chuyên môn đã được trang bị trong suốt 4 năm học, sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể làm việc cho các công ty cổ phần, công ty đa quốc gia, các tổ chức tài chính phi ngân hàng hoặc các doanh nghiệp ở những vị trí làm việc sau:

- Nhân viên làm việc ở phòng tài chính và phòng kế toán của công ty cổ phần và các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Nhân viên phân tích, tư vấn và quản lý danh mục đầu tư ở các công ty chứng khoán và quỹ đầu tư.

- Nhân viên làm việc ở các bộ phận huy động vốn, thẩm định và cấp tín dụng ở các công ty tài chính và các công ty cho thuê tài chính.

Ngoài ra, sinh viên tốt nghiệp còn có thể làm việc cho các tổ chức tài chính khác như ngân hàng thương mại, ngân hàng đầu tư, ngân hàng phát triển và công ty bảo hiểm ở các vị trí công việc có liên quan đến tài chính và quan hệ với hệ thống tài chính.

2.5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Mục tiêu của CTĐT không chỉ cung cấp kiến thức và kỹ năng làm việc cho sinh viên sau khi tốt nghiệp mà còn cung cấp nền tảng kiến thức để sinh viên có thể học tập lên các bậc học cao hơn hoặc tự học suốt đời để cập nhật kiến thức và nâng cao trình độ. Sau khi hoàn tất chương trình này và có thời gian làm việc để tích lũy kinh nghiệm, sinh viên có thể tiếp tục học lên cao học và tiến sĩ ở các trường đại học trong và ngoài nước. Các chương

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Tài chính ngân hàng CLC

trình cao học có thể theo học sau này bao gồm: cao học tài chính-ngân hàng, cao học quản trị kinh doanh, cao học kinh tế, và các ngành cao học khác có liên quan đến kinh tế tài chính.

2.6. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà Khoa tham khảo

CTĐT được thiết kế và xây dựng dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình đào tạo của các trường đại học ở ba quốc gia tiên tiến là Mỹ, Anh và Úc, trong đó có chú ý đến hoàn cảnh và điều kiện đặc thù của Việt Nam nói chung và của trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh nói riêng.

3. Thời gian đào tạo: 4 năm

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 140 tín chỉ (Không bao gồm Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

5. Đối tượng tuyển sinh

Công dân đã có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định tại điều 5 Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 09/2012/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 3 năm 2012 và được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 24/2012/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 6 năm 2012, Thông tư số 03/2013/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 02 năm 2013, Thông tư số 21/2013/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 6 năm 2013, Thông tư số 24/2013/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 7 năm 2013, Thông tư số 28/2013/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2013 và Thông tư 06/2014/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo

Chương trình thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007, được sửa chữa, bổ sung một số điều tại Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 561/QĐ-ĐHM ngày 08 tháng 8 năm 2013, được sửa chữa, bổ sung một số điều tại Quyết định số 789/QĐ-ĐHM ngày 06 tháng 08 năm 2014 của Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện được quy định tại điều 27 Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007, được sửa chữa, bổ

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Tài chính ngân hàng CLC

sung một số điều tại Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều 25 Quy chế học vụ theo học chế tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 561/QĐ-ĐHM ngày 08 tháng 8 năm 2013, được sửa chữa, bổ sung một số điều tại Quyết định số 789/QĐ-ĐHM ngày 06 tháng 08 năm 2014 của Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số tín chỉ môn học và khối lượng kiến thức quy định cho CTĐT mỗi khóa;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,0 trở lên;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất.

7. Thang điểm

Chương trình áp dụng thang điểm 10.

8. Nội dung chương trình

8.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 58 tín chỉ

8.1.1 Lý luận chính trị: 10 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin – Phần 1	POLI1201	2	2	0
2.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin – Phần 2	POLI2302	3	3	0
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI2201	2	2	0
4.	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	POLI2301	3	3	0
Tổng cộng			10	10	0

8.1.2 Khoa học xã hội: 3 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Chuyên đề kỹ năng	GLAW4102	1	0	1
	<i>Chọn 1 trong 2 môn học (2 tín chỉ)</i>				
2.	Pháp luật đại cương	GLAW1201	2	2	0
3.	Tâm lý học đại cương	SOCI1201	2	2	0
Tổng cộng			3	2	1

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Tài chính ngân hàng CLC

8.1.3 Nhân văn - Nghệ thuật: 4 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Giao tiếp trong kinh doanh	BADM1201	2	2	0
2.	Kỹ năng học tập	EDUC1201	2	2	0
Tổng cộng			4	4	0

8.1.4 Ngoại ngữ: 32 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG0405	4	4	0
2.	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG0406	4	4	0
3.	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG0407	4	4	0
4.	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG0408	4	4	0
5.	Tiếng Anh nâng cao 5	GENG0409	4	4	0
6.	Tiếng Anh nâng cao 6	GENG0410	4	4	0
7.	Tiếng Anh nâng cao 7	GENG0411	4	4	0
8.	Tiếng Anh nâng cao 8	GENG0412	4	4	0
Tổng cộng			32	32	0

8.1.5 Toán - Tin học: 9 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Toán cao cấp	MATH1301	3	3	0
2.	Lý thuyết xác suất và thống kê	MATH1304	3	3	0
3.	Tin học đại cương	COMP1401	3	3	0
Tổng cộng			9	9	0

8.1.6 Giáo dục Thể chất: 5 tín chỉ**8.1.7 Giáo dục Quốc phòng- An ninh: 8 tín chỉ****8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 82 tín chỉ****8.2.1 Kiến thức cơ sở ngành: 15 tín chỉ**

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Kinh tế vi mô 1 (*)	ECON1301	3	3	0
2.	Kinh tế vĩ mô 1	ECON1302	3	3	0
3.	Marketing căn bản (*)	BADM2301	3	3	0

4.	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	BADM2302	3	3	0
5.	Quản trị học	BADM1301	3	3	0
Tổng cộng			15	15	0

8.2.2 Kiến thức ngành: 24 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)	ACCO2301	3	3	0
2.	Tiền tệ và Ngân hàng (Money and Banking)	FINA1301	3	3	0
3.	Thị trường tài chính (Financial markets)	FINA3320	3	3	0
4.	Tài chính doanh nghiệp 1 (Corporate Finance 1)	FINA3319	3	3	0
5.	Tài chính quốc tế (International Finance) (*)	FINA3301	3	3	0
6.	Thị trường tài chính phái sinh (Derivatives Markets)	FINA3317	3	3	0
7.	Kế toán tài chính 1 (Financial accounting)	ACCO2302	3	3	0
8.	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (Commercial Banking)	FINA3321	3	3	0
Tổng cộng			24	24	0

8.2.3 Kiến thức chuyên ngành: 33 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
	<i>Bắt buộc</i>				
1.	Tài chính doanh nghiệp 2 (Corporate Finance 2) (*)	FINA3322	3	3	0
2.	Phân tích báo cáo tài chính (Financial statement analysis)	FINA3312	3	3	0
3.	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư (Project Appraisal)	BADM3321	3	3	0
4.	Thuế và hoạt động kinh doanh (Tax and business operations)	FINA3318	3	3	0
5.	Phân tích và đầu tư tài chính (Financial investment and Analysis)	FINA3315	3	3	0
6.	Thanh toán quốc tế (International Payment) (*)	FINA3302	3	3	0
7.	Kế toán quản trị (Management accounting)	ACCO4302	3	3	0

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Tài chính ngân hàng CLC

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
	(*)				
Tổng cộng			21	21	0
<i>Tự chọn: Chọn 4 trong các môn liệt kê dưới đây</i>					
1.	Thẩm định tín dụng (Credit Appraisal)	FINA3304	3	3	0
2.	Quản lý danh mục đầu tư (Portfolio management) (*)	FINA3316	3	3	0
3.	Phân tích và định giá doanh nghiệp (Firm valuation)	ACCO4303	3	3	0
4.	Mua bán và sáp nhập công ty (Merger and acquisition)	ECON3309	3	3	0
5.	Kiểm toán 1 (Auditing 1) (*)	ACCO3302	3	3	0
6.	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh (Business research methods)		3	3	0
7.	Quản trị rủi ro tài chính (Financial Risk Management)	FINA3314	3	3	0
8.	Kinh doanh ngoại hối (Foreign exchange trading) (*)	FINA3308	3	3	0
9.	Tiếp thị ngân hàng	FINA3305	3	3	0
10	Quản trị ngân hàng thương mại (Commercial Bank Management)	FINA3307	3	3	0
11	Kế toán ngân hàng (Bank accounting)	ACCO3306	3	3	0
12	Mô phỏng hoạt động ngân hàng (Commercial Banking Simulation)	FINA3325	3	3	0
Tổng cộng			12	12	0

Ghi chú: (*) Các môn học dự kiến tổ chức học bằng tiếng Anh. Tổng số tín chỉ theo quy định của đào tạo chất lượng cao.

8.2.4 Thực tập tốt nghiệp và làm khoá luận: 10 tín chỉ

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
	<i>Bắt buộc</i>				
1	Thực tập tốt nghiệp	FINA4499	4	0	4
	<i>Tự chọn: Chọn khóa luận tốt nghiệp hoặc học 2 môn thay thế</i>				
2	Khóa luận tốt nghiệp	FINA4699	6	0	6
2	Hai môn thay thế		6	6	
	Quản trị ngân hàng thương mại (Commercial Bank Management)	FINA3307	3	3	0
	Quản trị rủi ro tài chính (Financial Risk	FINA3314	3	3	0

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Tài chính ngân hàng CLC

	Management)				
Tổng cộng			10	6	4

9. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

HỌC KỲ 1

TT	Tên môn học	MMH	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 1	GENG0405	4	4	0
2.	Toán cao cấp	MATH1301	3	3	0
3.	Tin học đại cương	COMP1401	3	3	0
4.	Kỹ năng học tập	EDUC1201	2	2	0
5.	Giáo dục thể chất 1	PEDU1201	2	0	2
Cộng			12	10	2

HỌC KỲ 2

TT	Tên môn học	MMH	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 2	GENG0406	4	4	0
2.	Lý thuyết xác suất và thống kê	MATH1304	3	3	0
3.	<i>Môn chọn KH-XH</i>		2	2	0
4.	Giao tiếp trong kinh doanh	BADM1201	2	2	0
5.	Chọn 1 trong 3 môn				
	6.1	Giáo dục thể chất 2 (bóng chuyền)	PEDU1302		
	6.2	Giáo dục thể chất 2 (bóng đá)	PEDU1303		
	6.3	Giáo dục thể chất 2 (bơi)	PEDU1304		
6.	Giáo dục Quốc phòng				
Cộng			11	11	

HỌC KỲ 3

TT	Tên môn học	MMH	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 3	GENG0407	4	4	0
2.	Thống kê ứng dụng trong kinh doanh	BADM2302	3	3	0
3.	Kinh tế vi mô 1	ECON1301	3	3	0
4.	Chuyên đề kỹ năng	GLAW4102	1	0	1
5.	Những NLCB CN Mac – Lenin (P1)	POLI1201	2	2	0
Cộng			13	12	1

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Tài chính ngân hàng CLC

HỌC KỲ 4

TT	Tên môn học	MMH	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 4	GENG0408	4	4	0
2.	Kinh tế vĩ mô 1	ECON1302	3	3	0
3.	Nguyên lý kế toán	ACCO2301	3	3	0
4.	Tiền tệ và Ngân hàng	FINA1301	3	3	0
Cộng			13	13	0

HỌC KỲ 5

TT	Tên môn học	MMH	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 5	GENG0409	4	4	0
2.	Quản trị học	BADM1301	3	3	0
3.	Thị trường tài chính	FINA3320	3	3	0
4.	Những NLCB CN Mac – Lenin (P2)	POLI2302	3	3	0
Cộng			13	13	0

HỌC KỲ 6

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 6	GENG 0410	4	4	0
2.	Kế toán tài chính 1	ACCO2302	3	3	0
3.	Tài chính doanh nghiệp 1	FINA3319	3	3	0
4.	Marketing căn bản	BADM2301	3	3	0
Cộng			13	13	0

HỌC KỲ 7

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Tiếng Anh nâng cao 7	GENG 0411	4	4	0
2.	Tài chính quốc tế	FINA3301	3	3	0
3.	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	FINA3321	3	3	0
4.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	POLI2201	2	2	0

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Tài chính ngân hàng CLC

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
Cộng			12	12	0

HỌC KỲ 8

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			
			TC	LT	TH	
1.	Tiếng Anh nâng cao 8	GENG 0412	4	4	0	
2.	Thanh toán quốc tế	FINA3302	3	3	0	
3.	Thị trường tài chính phái sinh	FINA3317	3	3	0	
4.	Chọn 1 trong các môn sau:		3	3	0	
	4.1	Thẩm định tín dụng	FINA3304	3	3	0
	4.2	Quản lý danh mục đầu tư	FINA3316	3	3	0
	4.3	Phân tích và định giá doanh nghiệp	ACCO4303	3	3	0
Cộng			13	13	0	

HỌC KỲ 9

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ			
			TC	LT	TH	
1.	Phân tích báo cáo tài chính	FINA3312	3	3	0	
2.	Tài chính doanh nghiệp 2	FINA3322	3	3	0	
3.	Thuế và hoạt động kinh doanh	FINA3318	3	3	0	
4.	Chọn 1 trong các môn sau:		3	3	0	
	4.1	Kiểm toán 1	ACCO3302	3	3	0
	4.2	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh		3	3	0
	4.3	Mua bán và sáp nhập công ty	ECON3309	3	3	0
5.	Đường lối CM của Đảng CSVN	POLI2301	3	3	0	
Cộng			15	15	0	

HỌC KỲ 10

STT	Tên môn học	Mã môn học	Số tín chỉ		
			TC	LT	TH
1.	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	BADM3321	3	3	0
2.	Phân tích và đầu tư tài chính	FINA3315	3	3	0
3.	Kế toán quản trị	ACC04302	3	3	0

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Tài chính ngân hàng CLC

STT	Tên môn học		Mã môn học	Số tín chỉ		
				TC	LT	TH
4.	Chọn 1 trong 2 môn sau:			3	3	0
	4.1	Kinh doanh ngoại hối	FINA3308	3	3	0
	4.2	Tiếp thị ngân hàng	FINA3305	3	3	0
5.	Chọn 1 trong 2 môn sau:			3	3	0
	5.1	Kế toán ngân hàng	ACCO3306	3	3	0
	5.2	Mô phỏng hoạt động ngân hàng	FINA3325	3	3	0
Cộng				15	15	0

HỌC KỲ 11

STT	Tên môn học		Mã môn học	Số tín chỉ			
				TC	LT	TH	
1.	Thực tập tốt nghiệp		FINA4499	4	0	4	
2.	Chọn 1 trong 2 hình thức sau:			6	6	0	
	2.1	Khóa luận tốt nghiệp	FINA4699	6			
	2.2	Học 2 môn thay thế:			6		
		2.2.1	Quản trị ngân hàng thương mại	FINA3307	3		
		2.2.2	Quản trị rủi ro tài chính	FINA3314	3		
Cộng				10	6	4	

10. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng, chuyên ngành Tài chính được thiết kế và xây dựng trên đây gồm 140 tín chỉ, chưa tính Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng. Các môn học trong toàn bộ chương trình được sắp xếp theo trình tự những loại kiến thức do mục tiêu đào tạo yêu cầu. Khi thực hiện, các môn học được bố trí giảng dạy theo kế hoạch giảng dạy trong vòng 11 học kỳ. Các môn học của từng học kỳ được sắp xếp theo trình tự nghiêm ngặt trong đó môn học của học kỳ trước làm nền tảng kiến thức cho các môn học của các học kỳ sau cho đến khi hoàn tất toàn bộ chương trình.

Căn cứ kế hoạch giảng dạy của từng học kỳ và Quy chế tổ chức, quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ, sinh viên đăng ký môn học theo từng học kỳ (Quy trình đăng ký môn học) dưới sự hướng dẫn của Cố vấn học tập. Các môn Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và các môn học chung toàn trường được tổ chức học theo kế hoạch chung của Phòng Quản lý Đào tạo.

Phụ lục 1: Chương trình đào tạo và đề cương môn học ngành Tài chính ngân hàng CLC

Việc giảng dạy từng môn học trong toàn bộ Chương trình đào tạo được giảng viên thực hiện theo Đề cương môn học do Tổ chuyên môn thiết kế và xây dựng, được Trường Khoa xem xét đề xuất và Ban giám hiệu thông qua. Đề cương môn học được cung cấp cho sinh viên trước khi giảng dạy.

Giảng viên tham gia giảng dạy được tuyển chọn và sàng lọc theo Quy định đào tạo chất lượng cao.

11. Đề cương chi tiết môn học

Toàn bộ đề cương chi tiết các môn học trong chương trình đào tạo được trình bày trong Phụ lục số 1 đính kèm.

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phúc